TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN TRÃI

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2024 - 2025
MÔN THI: ĐỊA LÍ
(Thời gian làm bài: 45 phút, không kể thời gian phát đề)

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: (ID: 805042) Vị trí địa lí nước ta có đặc điểm nổi bật là

A. nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.
B. trong khu vực ít thiên tai ảnh hưởng đến.
C. ở rìa phía đông của khu vực Đông Nam Á.
D. giáp với tất cả các đại dương trên Trái Đất.

Câu 2: (ID: 805043) Biểu hiện nào sau đây thể hiện tính nhiệt đới của thiên nhiên nước ta?

A. Số giờ nắng trong năm phổ biến từ 1400 → 3000 giờ.
B. Gió mùa hoạt động luân phiên trái ngược về tính chất.
C. Nhiệt độ trung bình năm phổ biến ở mức dưới 20^0C.
D. Nền nhiệt đồng đều giữa các vùng miền trên cả nước.

Câu 3: (ID: 805044) Biểu hiện của sự phân hóa thiên nhiên nước ta theo chiều Bắc - Nam là

A. hình thành các đai cao tự nhiên trên cơ sở phân hóa về khí hậu.
B. phân hóa thành ba vùng rõ rệt tính từ biển vào sâu trong đất liền.
C. khác biệt về thiên nhiên giữa phần lãnh thổ phía Bắc, phía Nam.
D. sự phân hóa chế độ nhiệt, chế độ mưa theo thời gian trên lãnh thổ.

Câu 4: (ID: 805045) Biểu hiện của sự suy giảm tài nguyên sinh vật ở nước ta là

A. tăng các loài sinh vật ngoại lai.
B. giảm chất lượng rừng tự nhiên.
C. rừng trồng tăng diện tích lớn.
D. nguồn gen mới đang thay thế.

Câu 5: (ID: 805046) Biểu hiện nào sau đây đúng về cơ cấu dân số nước ta hiện nay?

A. Được chia thành ba nhóm tuổi với tỷ trọng ngang bằng nhau.
B. Không còn tình trạng mất cân bằng giới tính giữa các lứa tuổi.
C. Có nhiều thành phần dân tộc với số lượng không chênh lệch.
D. Cơ cấu theo độ tuổi đang trong thời kì cơ cấu dân số vàng.

Câu 6: (ID: 805047) Nguồn lao động của nước ta có đặc điểm

A. chiếm tỷ trọng thấp trong dân số.
B. hầu hết qua đào tạo trình độ cao.
C. số lượng tăng đều qua các năm.
D. số lượng và chất lượng đều tăng.

Câu 7: (ID: 805048) Vấn đề việc làm ở nước ta hiện nay

A. tỷ lệ thiếu việc làm luôn cao hơn tỷ lệ thất nghiệp ở mọi thời điểm.
B. đã đáp ứng đầy đủ theo nhu cầu của người lao động trên cả nước.

C. không phân biệt việc làm giữa hai khu vực nông thôn, thành thị.

D. tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm cần tiếp tục được quan tâm.

Câu 8: (ID: 805049) Đặc điểm đô thị hóa ở nước ta có biểu hiện

A. xuất hiện muộn vào thế kỷ XX.

B. đang thu hẹp không gian đô thị.

C. tỷ lệ dân thành thị tăng liên tục.

D. phân bố đồng đều khắp cả nước.

Câu 9: (ID: 805050) Cơ cấu nông nghiệp của nước ta đang chuyển dịch theo hướng

A. tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi.

B. giảm tỷ trọng cây công nghiệp.

C. tăng tỷ trọng ngành trồng trọt.

D. giảm tỷ trọng chăn nuôi gia súc.

Câu 10: (ID: 805051) Hoạt động lâm nghiệp ở nước ta đang phát triển theo hướng

A. tăng diện tích của rừng trồng.

B. giảm sản lượng gỗ khai thác.

C. khai thác mạnh rừng tự nhiên.

D. giảm việc chế biến gỗ, lâm sản.

Câu 11: (ID: 805052) Hoạt động thủy sản ở nước ta đang phát triển theo hướng

A. chủ yếu dựa vào kinh nghiệm.

B. giảm sản lượng nuôi trồng.

C. phát triển đều ở mọi vùng.

D. đẩy mạnh đánh bắt xa bờ.

Câu 12: (ID: 805053) Trang trại nông nghiệp ở nước ta hiện nay đang chuyển hướng

A. mở rộng số lượng, nâng sự đồng đều giữa các vùng.

B. tổ chức sản xuất, kinh doanh phù hợp với thị trường.

C. chỉ đáp ứng hàng hóa ưu tiên thị trường xuất khẩu.

D. tiết kiệm chi phí sản xuất, hạn chế áp dụng công nghệ.

Câu 13: (ID: 805054) Cơ cấu công nghiệp theo ngành ở nước ta đang chuyển dịch theo hướng

A. cân đối tỉ trọng giữa các ngành.

B. tăng tỉ trọng chế biến, chế tạo.

C. tăng tỉ trọng lĩnh vực khai thác.

D. giảm tỉ trọng sản xuất điện năng.

Câu 14: (ID: 805055) Nhận định nào sau đây đúng về công nghiệp khai thác than ở nước ta?

A. Sản lượng khai thác luôn tăng ổn định.

B. Than bùn, than mỡ có trữ lượng lớn nhất.

C. Tập trung chủ yếu ở bể than Đông Bắc.

D. Khai thác không ảnh hưởng môi trường.

Câu 15: (ID: 805056) Cơ cấu sản lượng điện của nước ta đang thay đổi theo hướng

A. tăng nhanh sản lượng năng lượng tái tạo.

B. thủy điện luôn chiếm sản lượng lớn nhất.

C. nhiệt điện sản lượng thấp và đang giảm.

D. mạng lưới điện quốc gia luôn giữ cố định.

Câu 16: (ID: 805057) Công nghiệp dệt, may và giày, dép ở nước ta phát triển dựa trên thế mạnh

A. nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ lớn.

B. giàu tài nguyên thiên nhiên, ít có thiên tai xảy ra.

C. dân cư và lao động phân bố đều giữa các vùng.

D. lao động trình độ cao đáp ứng yêu cầu của ngành.

Câu 17: (ID: 805058) Hoạt động thủy sản ở nước ta đang phát triển mạnh trong thời gian qua, chủ yếu do

A. tạo nhiều việc làm mới, cải thiện đời sống.

B. vùng biển rộng, thiên nhiên nhiều ưu đãi.

C. kinh nghiệm của ngư dân được áp dụng.

D. thị trường mở rộng, hiệu quả kinh tế cao.

Câu 18: (ID: 805059) Ý nghĩa chủ yếu của việc triển khai, gấp rút hoàn thành đường dây 500 kV (Quảng Trạch - Phố Nối) đối với ngành điện là

A. khắc phục sự mất cân đối về nguồn điện giữa các vùng.

B. tạo việc làm cho một lượng lớn lao động đang thiếu việc.

C. giảm thiểu tiêu hao điện năng cho các truyền tải đã cũ.

D. phát triển kinh tế cho các địa phương có đường dây đi qua.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: (ID: 805060) Cho bảng số liệu:

Tỷ lệ thất nghiệp ở nước ta phân theo thành thị và nông thôn, giai đoạn 2019 – 2022

(Đơn vị: %)

Năm	2019	2021	2022
Cả nước	2,19	3,20	2,34
Thành thị	3,10	4,33	2,82
Nông thôn	1,74	2,50	2,04

a) Tỷ lệ thất nghiệp của cả nước năm 2022 so với 2019 giảm.

b) Tỷ lệ thất nghiệp thành thị luôn cao hơn nông thôn.

c) Tỷ lệ thất nghiệp giai đoạn 2019 – 2021 tăng do tác động của dịch Covid.

d) Thất nghiệp ở thành thị biến động mạnh hơn nông thôn do sự khác nhau về quy mô dân số.

Câu 2: (ID: 805061) Cho bảng số liệu sau:

Cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế ở nước ta giai đoạn 2010-2021

(Đơn vị: %)

Năm / Thành phần	2010	2015	2020	2021
Kinh tế Nhà nước	29,3	22,8	20,7	21,2
Kinh tế ngoài Nhà nước	43,0	50,6	50,5	50,0
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	15,2	17,5	20,0	20,0
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	12,5	9,1	8,8	8,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

a) Tỉ trọng khu vực kinh tế Nhà nước từ năm 2010 đến 2021 giảm.

b) Khu vực ngoài Nhà nước chiếm tỉ trọng nhỏ nhất.

c) Khu vực kinh tế Nhà nước tuy giảm nhưng vẫn giữ vai trò chủ đạo.

d) Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh tỉ trọng là do nước ta hội nhập thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 3: (ID: 805062) Cho thông tin sau:

Nước ta có đường bờ biển dài hơn 3260 km, trung bình cứ cách 20 km lại có một cửa sông dọc theo bờ biển. Vùng biển nước ta có hơn 4000 đảo lớn nhỏ, trong đó có những quần đảo lớn, nhiều vũng vịnh đầm phá. Bên cạnh đó, nước ta còn có nhiều ngư trường lớn và nguồn lợi hải sản phong phú và đa dạng.

a) Nước ta có nguồn lợi hải sản ít nên ngành khai thác thủy sản ít phát triển.

b) Nước ta có điều kiện tự nhiên thuận lợi để nuôi trồng thuỷ sản.

c) Nước ta có diện tích mặt nước nuôi trồng thuỷ sản nhỏ.

d) Ngành nuôi trồng thuỷ sản có vai trò ngày càng quan trọng do nhu cầu thị trường và chủ động hơn trong sản xuất.

Câu 4: (ID: 805063) Cho bảng số liệu:

Sản lượng điện và cơ cấu sản lượng điện của nước ta gia đoạn 2010-2021

Năm / Tiêu chí	2010	2015	2021
Sản lượng điện *(tỉ kWh)*	91,7	157,9	244,9
Cơ cấu sản lượng điện *(%)*			
- Thủy điện	38,0	34,2	30,6
- Nhiệt điện	56,0	63,8	56,2
- Năng lượng tái tạo	0	0	12,3
- Nguồn khác	6,0	2,0	0,9

a) Tốc độ tăng trưởng sản lượng điện của nước ta tăng trong giai đoạn 2010 - 2021 là 267,1%.

b) Nhiệt điện luôn chiếm tỉ trọng cao hơn thuỷ điện.

c) Thủy điện đóng vai trò quan trọng và chủ yếu nhất trong cơ cấu sản lượng điện.

d) Năng lượng tái tạo tăng do nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: (ID: 805064) Năm 2021 Việt Nam có 62,9% dân số sống tại khu vực nông thôn, tính tỉ lệ dân thành thị nước ta năm 2021 (làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất)?

□□□□

Câu 2: (ID: 805065) Cho bảng số liệu:

Sản lượng thủy sản nước ta năm 2010 và 2021

(Đơn vị: triệu tấn)

Năm	2010	2021
Sản lượng khai thác	2,5	3,9
Sản lượng nuôi trồng	2,7	4,9

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính chênh lệch tổng sản lượng thủy sản năm 2021 so với năm 2010 (làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất).

▢▢▢▢

Câu 3: (ID: 805066) Cho bảng số liệu:

Sản lượng khai thác than của cả nước qua các năm

(Đơn vị: triệu tấn)

Năm	2010	2015	2020
Sản lượng khai thác than	44,8	41,7	44,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tốc độ tăng trưởng sản lượng khai thác than năm 2015 (làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất).

▢▢▢▢

Câu 4: (ID: 805067) Cho bảng số liệu:

Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển của ngành vận tải đường biển ở nước ta giai đoạn 2000 - 2021

Năm	2000	2010	2020
Khối lượng vận chuyển *(triệu tấn)*	1,4	61,6	76,1
Khối lượng luân chuyển *(tỉ tấn.km)*	30,0	145,5	152,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết năm 2020 cự li vận chuyển trung bình của ngành vận tải đường biển là bao nhiêu nghìn km (làm tròn đến kết quả hàng đơn vị của nghìn km)?

▢▢▢▢

Câu 5: (ID: 805068) Năm 2015 nước ta có 7,8 triệu ha lúa, sản lượng đạt 45,1 triệu tấn, năng suất lúa của nước ta năm 2015 là bao nhiêu tạ/ha (làm tròn đến chữ số thập phân thứ nhất)?

▢▢▢▢

Câu 6: (ID: 805069) Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, dân số Việt Nam ước tính là 99 186 471 người, có 1 418 890 trẻ em được sinh ra, 681 157 người chết. Vậy tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên nước ta năm 2023 là bao nhiêu % (làm tròn đến chữ số thập phân thứ hai)?

▢▢▢▢

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1. A	**2. A**	**3. C**	**4. B**	**5. D**	**6. D**	**7. D**	**8. C**	**9. A**	**10. A**
11. D	**12. B**	**13. B**	**14. C**	**15. A**	**16. A**	**17. D**	**18. A**		

Câu 1 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ nước ta.

Cách giải:

Vị trí địa lí nước ta có đặc điểm nổi bật là nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến do phần đất liền của nước ta kéo dài từ 8°34'B đến 23°23'B.

Đáp án: A

Câu 2 (NB):

Phương pháp:

Từ khóa: nhiệt đới.

Dựa vào nội dung biểu hiện thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (phần tính chất nhiệt đới).

Cách giải:

Số giờ nắng trong năm phổ biến từ 1400 → 3000 giờ là biểu hiện tính chất nhiệt đới của thiên nhiên nước ta.

B sai vì đó là tính chất gió mùa.

C, D sai vì biểu hiện tính chất nhiệt đới của thiên nhiên nước ta là: nhiệt độ trung bình năm phổ biến ở mức trên 20^0C, nền nhiệt độ không đều giữa các vùng miền trên cả nước.

Đáp án: A

Câu 3 (NB):

Phương pháp:

Từ khóa: chiều Bắc – Nam.

Dựa vào nội dung sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên.

Cách giải:

Biểu hiện của sự phân hóa thiên nhiên nước ta theo chiều Bắc - Nam là khác biệt về thiên nhiên giữa phần lãnh thổ phía Bắc, phía Nam.

A sai vì đó là biểu hiện sự phân hóa thiên nhiên theo độ cao.

B sai vì đó là biểu hiện sự phân hóa thiên nhiên theo chiều Đông – Tây.

D sai vì đó là biểu hiện sự phân hóa thiên thiên theo thời gian, không phải theo không gian.

Đáp án: C

Câu 4 (NB):

Phương pháp:

Từ khóa: suy giảm.

Dựa vào nội dung sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên (phần tài nguyên sinh vật).

Cách giải:

Biểu hiện của sự suy giảm tài nguyên sinh vật ở nước ta là giảm chất lượng rừng tự nhiên. Rừng tự nhiên bị khai thác quá mức, cháy rừng hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng đất làm mất đi các loài cây gỗ quý hiếm, giảm mật độ cây lớn, và phá vỡ cấu trúc sinh học đa dạng.

Đáp án: B

Câu 5 (TH):

Phương pháp:

Cơ cấu dân số vàng là thời kỳ mà tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động (từ 15 - 64 tuổi) chiếm tỷ lệ cao hơn tỷ lệ dân số phụ thuộc (nhóm dưới 15 và nhóm từ 65 tuổi trở lên).

Dựa vào nội dung dân số (phần cơ cấu dân số theo nhóm tuổi.

Cách giải:

Cơ cấu theo độ tuổi đang trong thời kì cơ cấu dân số vàng là biểu hiện đúng về cơ cấu dân số nước ta hiện nay. Do năm 2021, tỉ trọng nhóm dưới 15 tuổi là 24,1%; nhóm 15 – 64 tuổi là 67,6%; nhóm từ 65 tuổi trở lên là 8,3%.

Đáp án: D

Câu 6 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung đặc điểm lao động nước ta.

Cách giải:

Nguồn lao động của nước ta có đặc điểm: số lượng và chất lượng đều tăng.

A sai vì nguồn lao động chiếm tới 67,6% trong cơ cấu dân số.

B sai vì phần lớn lao động nước ta chưa qua đào tạo.

C sai vì số lượng lao động tăng không đều qua các năm.

Đáp án: D

Câu 7 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung vấn đề việc làm nước ta.

Cách giải:

Vấn đề việc làm ở nước ta hiện nay: tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm cần tiếp tục được quan tâm. Mặc dù kinh tế Việt Nam liên tục tăng trưởng và tạo ra nhiều việc làm, nhưng do đặc điểm dân số đông, cơ cấu lao động đang chuyển dịch và ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài (như dịch bệnh, suy thoái kinh tế toàn cầu, tự động hóa), vấn đề thất nghiệp (đặc biệt ở khu vực thành thị) và thiếu việc làm (phổ biến hơn ở nông thôn, lao động thời vụ, không đủ công việc) vẫn luôn tồn tại và cần sự chú trọng của Nhà nước và xã hội để đảm bảo an sinh xã hội và phát triển bền vững.

Đáp án: D

Câu 8 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung đặc điểm đô thị hóa nước ta.

Cách giải:

Đặc điểm đô thị hóa ở nước ta có biểu hiện tỷ lệ dân thành thị tăng liên tục. Năm 1970, tỷ lệ dân thành thị của nước ta là 18,3% và tăng liên tục, đến năm 2021 là 31,7%.

Đáp án: C

Câu 9 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung hiện trạng phát triển và phân bố ngành nông nghiệp.

Cách giải:

Cơ cấu nông nghiệp của nước ta đang chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi do ngành này mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn ngành trồng trọt và nhu cầu thị trường về thịt, trứng, sữa ngày càng cao.

Đáp án: A

Câu 10 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung ngành lâm nghiệp nước ta.

Cách giải:

Hoạt động lâm nghiệp ở nước ta đang phát triển theo hướng tăng diện tích của rừng trồng. Đây là chiến lược nhằm nâng cao độ che phủ rừng, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ, đồng thời giảm áp lực lên rừng tự nhiên. Rừng trồng được quy hoạch và quản lý để khai thác bền vững, góp phần bảo vệ môi trường và tạo sinh kế cho người dân.

Đáp án: A

Câu 11 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung ngành thủy sản nước ta.

Cách giải:

Hoạt động thủy sản ở nước ta đang phát triển theo hướng đẩy mạnh đánh bắt xa bờ. Để giảm áp lực lên nguồn lợi hải sản ven bờ đang ngày càng suy giảm, đồng thời khai thác hiệu quả hơn các ngư trường xa bờ rộng lớn và tài nguyên biển của Việt Nam, Nhà nước đang khuyến khích và hỗ trợ ngư dân đóng tàu lớn, trang bị hiện đại để vươn khơi xa. Đồng thời, điều này cũng góp phần khẳng định chủ quyền biển đảo.

Đáp án: D

Câu 12 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung trang trại.

Cách giải:

Trang trại nông nghiệp ở nước ta hiện nay đang chuyển hướng tổ chức sản xuất, kinh doanh phù hợp với thị trường. Đây là yếu tố then chốt để trang trại phát triển bền vững. Các trang trại hiện nay không chỉ tập trung vào sản xuất mà còn chú trọng đến việc nắm bắt nhu cầu thị trường (trong nước và xuất khẩu), sản xuất theo tiêu chuẩn chất lượng (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ), xây dựng thương hiệu, và tìm kiếm kênh phân phối hiệu quả. Điều này giúp sản phẩm của trang trại có đầu ra ổn định, giá trị cao và khả năng cạnh tranh tốt.

Đáp án: B

Câu 13 (NB):

Phương pháp:

Từ khóa: theo ngành.

Dựa vào nội dung chuyển dịch cơ cấu công nghiệp nước ta.

Cách giải:

Cơ cấu công nghiệp theo ngành ở nước ta đang chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng chế biến, chế tạo.

- Các ngành công nghiệp chế biến (thực phẩm, dệt may, da giày, gỗ, hóa chất...) và chế tạo (máy móc, thiết bị điện tử, ô tô...) tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn nhiều so với khai thác nguyên liệu thô.
- Việt Nam đang nỗ lực chuyển dịch từ một nền kinh tế chủ yếu xuất khẩu nguyên liệu thô sang nền kinh tế sản xuất và chế biến sâu, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Việc thu hút đầu tư nước ngoài (FDI) vào các lĩnh vực này cũng góp phần thúc đẩy xu hướng này.

Đáp án: B

Câu 14 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung ngành công nghiệp khai thác than, dầu thô và khí tự nhiên.

Cách giải:

Tập trung chủ yếu ở bể than Đông Bắc là nhận định đúng về công nghiệp khai thác than ở nước ta. Điển hình là bể than Quảng Ninh (thuộc vùng Đông Bắc) là mỏ than lớn nhất cả nước với trữ lượng than antraxit (than

đá) rất lớn, chiếm phần lớn tổng trữ lượng than của Việt Nam. Do đó, hoạt động khai thác than chủ yếu tập trung ở đây.

Đáp án: C

Câu 15 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung ngành công nghiệp sản xuất điện.

Cách giải:

Cơ cấu sản lượng điện của nước ta đang thay đổi theo hướng tăng nhanh sản lượng năng lượng tái tạo.

B, C sai vì nhiệt điện chiếm sản lượng lớn nhất và đang tăng.

D sai vì mạng lưới điện quốc gia có sự biến động, không phải luôn giữ cố định.

Đáp án: A

Câu 16 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào yêu cầu của ngành công nghiệp dệt, may và giày, dép; liên hệ với đặc điểm kinh tế - xã hội nước ta.

Cách giải:

Công nghiệp dệt, may và giày, dép ở nước ta phát triển dựa trên thế mạnh nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ lớn.

- Nguồn lao động dồi dào và giá rẻ: Việt Nam có nguồn lao động dồi dào, cần cù và có khả năng học hỏi nhanh. Mức lương nhân công ở Việt Nam vẫn tương đối cạnh tranh so với nhiều quốc gia khác, tạo lợi thế về chi phí sản xuất.

- Thị trường tiêu thụ lớn:

+ Thị trường nội địa: Với dân số hơn 100 triệu người, nhu cầu về quần áo, giày dép là rất lớn và đa dạng.

- Thị trường xuất khẩu: Việt Nam đã ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) với các nền kinh tế lớn trên thế giới (EU, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc...), tạo điều kiện thuận lợi cho việc xuất khẩu sản phẩm dệt may và giày dép sang các thị trường này. Các sản phẩm của Việt Nam được đánh giá cao và có uy tín trên thị trường quốc tế.

Đáp án: A

Câu 17 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung ngành thủy sản nước ta.

Cách giải:

Hoạt động thủy sản ở nước ta đang phát triển mạnh trong thời gian qua, chủ yếu do thị trường mở rộng, hiệu quả kinh tế cao.

- Thị trường mở rộng:

+ Thị trường xuất khẩu: Nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm thủy sản của Việt Nam trên thế giới rất lớn, đặc biệt là tôm và cá tra. Việt Nam đã tận dụng tốt các hiệp định thương mại tự do (FTA) và mở rộng quan hệ đối tác, giúp các sản phẩm thủy sản tiếp cận được nhiều thị trường khó tính như Mỹ, EU, Nhật Bản, Trung Quốc.

+ Thị trường nội địa: Nhu cầu tiêu thụ thủy sản trong nước cũng tăng lên do dân số đông, mức sống cải thiện và nhận thức về dinh dưỡng.

- Hiệu quả kinh tế cao:

+ Giá trị xuất khẩu lớn: Thủy sản là một trong những ngành xuất khẩu chủ lực, mang lại kim ngạch xuất khẩu hàng tỷ đô la mỗi năm, tạo ra nguồn thu ngoại tệ quan trọng cho đất nước và lợi nhuận cao cho người sản xuất.

+ Tăng thu nhập: Việc phát triển nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản đã giúp cải thiện đáng kể thu nhập và đời sống của hàng triệu người dân, đặc biệt là ở các vùng ven biển và Đồng bằng sông Cửu Long.

Đáp án: D

Câu 18 (VD):

Phương pháp:

- Quảng Trạch thuộc miền Trung, Phố Nối thuộc miền Bắc.
- Dựa vào nội dung ngành công nghiệp sản xuất điện và liên hệ thực tế.

Cách giải:

Ý nghĩa chủ yếu của việc triển khai, gấp rút hoàn thành đường dây 500 kV (Quảng Trạch - Phố Nối) đối với ngành điện là khắc phục sự mất cân đối về nguồn điện giữa các vùng. Đây là ý nghĩa cốt lõi nhất.

- Miền Bắc: Hiện đang thiếu hụt nguồn điện, đặc biệt vào mùa khô và cao điểm nắng nóng, do phụ tải tăng nhanh trong khi các nguồn điện mới (nhất là thủy điện) gặp khó khăn về thủy văn và nguồn nhiệt điện cũ đã hoạt động hết công suất.
- Miền Trung và miền Nam: Có khả năng cung ứng điện tốt hơn, đặc biệt từ các nhà máy nhiệt điện than, điện khí lớn ở miền Trung và miền Nam, cùng với tiềm năng điện gió, điện mặt trời.
- Đường dây 500 kV mạch 3 sẽ tăng cường khả năng truyền tải điện từ miền Trung vào miền Bắc (hoặc ngược lại khi cần), giúp cân bằng cung - cầu điện năng giữa các vùng, đảm bảo an ninh năng lượng cho miền Bắc.

Đáp án: A

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	SĐĐS	ĐSĐĐ	SĐSĐ	ĐĐSĐ

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

a, b) Dựa vào bảng số liệu.

c) Liên hệ thực tế về giai đoạn dịch Covid tác động đến nền kinh tế nước ta.

d) Dựa vào nguyên nhân gây ra tình trạng thất nghiệp.

Cách giải:

a) Sai. Tỷ lệ thất nghiệp của cả nước năm 2022 là 2,34% - tăng so với năm 2019 là 2,19%

b) Đúng. Dựa vào bảng số liệu ta có thể thấy tỷ lệ thất nghiệp thành thị luôn cao hơn nông thôn.

c) Đúng. Dịch Covid là ngưng trệ đến toàn bộ nền kinh tế nước ta giai đoạn 2019 – 2021 nên tỷ lệ thất nghiệp tăng.

d) Sai. Thất nghiệp ở thành thị biến động mạnh hơn nông thôn do liên quan đến khả năng cung cấp việc làm ở mỗi khu vực. Quy mô dân số không phải là nguyên nhân gây ra tình trạng thất nghiệp.

Đáp án: S, Đ, Đ, S

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

a, b) Dựa vào bảng số liệu.

c) Dựa vào vai trò của khu vực kinh tế Nhà nước.

d) Dựa vào nguyên nhân làm tỉ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh.

Cách giải:

a) Đúng. Tỉ trọng khu vực kinh tế Nhà nước từ năm 2010 đến 2021 giảm từ 29,3% xuống còn 21,3%.

b) Sai. Khu vực ngoài Nhà nước luôn chiếm tỉ trọng cao nhất.

c) Đúng. Do khu vực kinh tế Nhà nước nắm giữ các ngành và lĩnh vực then chốt, điều tiết và định hướng phát triển, thực hiện nhiệm vụ an sinh xã hội.

d) Đúng. Do quá trình hội nhập giúp Việt Nam mở cửa thị trường, giảm các rào cản thương mại, tạo ra môi trường đầu tư hấp dẫn và ổn định hơn cho các nhà đầu tư nước ngoài. Bên cạnh đó, nước ta còn thu hút vốn đầu tư nước ngoài do chính sách ưu đãi, lợi thế cạnh tranh, ổn định chính trị - xã hội.

Đáp án: Đ, S, Đ, Đ

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung ngành thủy sản nước ta.

Cách giải:

a) Sai. Đoạn thông tin nêu rõ ràng: "nước ta còn có nhiều ngư trường lớn và nguồn lợi hải sản phong phú và đa dạng" => Nước ta có nguồn lợi hải sản dồi dào nên ngành khai thác thủy sản rất phát triển.

b) Đúng. Đoạn thông tin cung cấp các dữ liệu quan trọng: "đường bờ biển dài hơn 3260 km, trung bình cứ cách 20 km lại có một cửa sông dọc theo bờ biển", "hơn 4000 đảo lớn nhỏ, nhiều vũng vịnh đầm phá". Tất cả những yếu tố này (bờ biển dài, cửa sông, đảo, vũng vịnh, đầm phá) đều tạo ra diện tích mặt nước lớn và đa dạng (nước mặn, lợ, ngọt) cùng với điều kiện thủy văn phù hợp, là tiền đề lý tưởng cho việc phát triển nuôi trồng thủy sản.

c) Sai. Nước ta có diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản rất lớn, là một trong những lợi thế quan trọng.

d) Đúng. Nhu cầu thị trường (trong nước và xuất khẩu) ngày càng tăng đối với các sản phẩm thủy sản, đặc biệt là các sản phẩm được nuôi trồng. Nuôi trồng thủy sản cho phép kiểm soát tốt hơn về sản lượng, chất lượng, và thời gian thu hoạch so với khai thác tự nhiên, giúp chủ động hơn trong sản xuất và đáp ứng nhu cầu thị trường một cách hiệu quả. Đây là xu hướng phát triển chung của ngành thủy sản nước ta.

Đáp án: S, Đ, S, Đ

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

a) Dựa vào công thức tính:

Tốc độ tăng trưởng = (Giá trị năm sau/Giá trị năm gốc)*100

b, c) Dựa vào bảng số liệu và suy luận.

d) Dựa vào vai trò của năng lượng tái tạo.

Cách giải:

a) Đúng. Tốc độ tăng trưởng sản lượng điện của nước ta tăng trong giai đoạn 2010 - 2021 là:

244,9/91,7 = 267,1%.

b) Đúng. Nhiệt điện luôn chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu sản lượng điện của nước ta.

c) Sai. Do nhiệt điện luôn chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu sản lượng điện của nước ta nên nhiệt điện đóng vai trò quan trọng và chủ yếu nhất trong cơ cấu sản lượng điện.

d) Đúng. Do năng lượng tái tạo giúp: đảm bảo an ninh năng lượng, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế xanh,…

Đáp án: Đ, Đ, S, Đ

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	37,1	3,6	93,1	2,0	57,8	0,74

Câu 1 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Tỉ lệ dân thành thị = 100 – Tỉ lệ dân nông thôn.

Cách giải:

Tỉ lệ dân thành thị nước ta năm 2021 là: 100 – 62,9 = 37,1%

Đáp án: 37,1

Câu 2 (TH):

Phương pháp:

- Tính tổng sản lượng thủy sản năm 2010, 2021.

- Lấy tổng sản lượng thủy sản năm 2021 trừ tổng sản lượng thủy sản năm 2010.

Cách giải:

Chênh lệch tổng sản lượng thủy sản năm 2021 so với năm 2010 là:

(3,9 + 4,9) – (2,5 + 2,7) = 3,6 triệu tấn.

Đáp án: 3,6

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Tốc độ tăng trưởng = (Giá trị năm sau/Giá trị năm gốc)*100

Cách giải:

Tốc độ tăng trưởng sản lượng khai thác than năm 2015 là:

(41,7/44,8)*100 = 93,1%

Đáp án: 93,1

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Cự li vận chuyển = Khối lượng luân chuyển/Khối lượng vận chuyển.

Cách giải:

Cự li vận chuyển trung bình của ngành vận tải đường biển năm 2020 là:

152,6/76,1 = 2,0 nghìn km.

Đáp án: 2,0

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Năng suất = Sản lượng/Diện tích

Lưu ý đổi đơn vị.

Cách giải:

Năng suất lúa của nước ta năm 2015 là:

45,1/7,8 = 5,78 tấn/ha = 57,8 tạ/ha

Đáp án: 57,8

Câu 6 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào các công thức tính:

Tỉ suất sinh = (Số em được sinh ra/Tổng số dân)*1000

Tỉ suất tử = (Số người chết//Tổng số dân)*1000

Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên = (Tỉ suất sinh – Tỉ suất tử)/10

Cách giải:

Tỉ suất sinh của nước ta năm 2023 là:

(1 418 890/99 186 471)*1000 = 14,31‰

Tỉ suất tử của nước ta năm 2023 là:

(681 157/99 186 471)*1000 = 6,87‰

Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên nước ta năm 2023 là:

(14,31 – 6,87)/10 = 0,74%

Đáp án: 0,74